

Số: 15 6 4 /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ
trong lĩnh vực phòng vệ thương mại thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Bộ Công Thương**

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 86/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại;

Căn cứ Thông tư số 26/2025/TT-BCT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Phòng vệ thương mại.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực phòng vệ thương mại thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Quyết định này thay thế cho Quyết định số 3806A/QĐ-BCT ngày 20 tháng 12 năm 2019 công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực phòng vệ thương mại thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

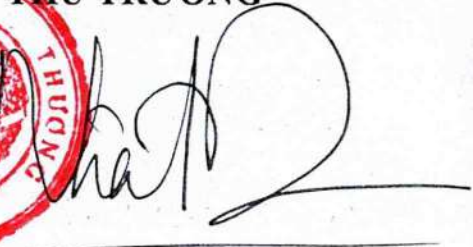
Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Phòng vệ thương mại và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC (Văn phòng Chính phủ);
- Bộ Tài chính;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Văn phòng Bộ (THCC);
- Lưu: VT, PVTM.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**


Nguyễn Sinh Nhật Tân

PHỤ LỤC

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BÃI BỎ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 15 6 4 /QĐ-BCT ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực phòng vệ thương mại thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
Thủ tục hành chính cấp trung ương					
1	1.000209	Miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại	Thông tư số 26/2025/TT-BCT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại	Phòng vệ thương mại	Bộ Công Thương
2	1.000226	Bổ sung lượng hàng hóa đã được miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại	Thông tư số 26/2025/TT-BCT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại	Phòng vệ thương mại	Bộ Công Thương

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
Thủ tục hành chính cấp trung ương					
1	1.000214	Khai báo nhập khẩu đối với hàng hóa bị điều tra áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại	Thông tư số 26/2025/TT-BCT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại	Phòng vệ thương mại	Bộ Công Thương

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG

Thủ tục hành chính cấp trung ương

I. Lĩnh vực phòng vệ thương mại

1. Miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại

a) Trình tự thực hiện:

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Cơ quan điều tra thông báo việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị miễn trừ, tổ chức, cá nhân đề nghị miễn trừ phải gửi Hồ sơ đề nghị miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại (sau đây gọi là hồ sơ đề nghị miễn trừ) tới Cơ quan điều tra.
- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị miễn trừ, Cơ quan điều tra thông báo cho cá nhân, tổ chức về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ.
- Trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, Cơ quan điều tra thông báo cho tổ chức, cá nhân để bổ sung.
- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày Cơ quan điều tra có thông báo yêu cầu bổ sung, cá nhân, tổ chức đề nghị miễn trừ có trách nhiệm cung cấp đầy đủ và chính xác những nội dung được yêu cầu bổ sung.
- Sau thời hạn nêu trên nếu không nhận được thông tin bổ sung thì Cơ quan điều tra thông báo tới cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ đề nghị miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại, hồ sơ đề nghị miễn trừ bổ sung về việc không tiếp tục xử lý hồ sơ.
- Trong thời hạn 35 ngày kể từ ngày Cơ quan điều tra thông báo hồ sơ là đầy đủ và hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại (sau đây gọi tắt là quyết định miễn trừ), trường hợp không miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại thì nêu rõ lý do.
- Cơ quan điều tra gửi quyết định miễn trừ cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị và công bố công khai quyết định miễn trừ trên cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương và trang thông tin điện tử của Cơ quan điều tra.

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp nộp tại Cục Phòng vệ thương mại, Bộ Công Thương: Số 54 Hai Bà Trưng, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội;
- Thông qua hệ thống bưu điện;
- Thực hiện trực tuyến tại Cổng dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

**** Thành phần:***

1. Hồ sơ đề nghị miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại bao gồm các giấy tờ và tài liệu sau đây:

- Đơn đề nghị miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BCT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại;

- Thông tin mô tả về hàng hóa nhập khẩu đề nghị miễn trừ, bao gồm: tên khoa học, tên thương mại, tên thường gọi; các đặc tính vật lý, hóa học cơ bản; mục đích sử dụng chính; quy trình sản xuất; tiêu chuẩn, quy chuẩn của quốc tế và Việt Nam và mã số hàng hóa theo danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

- Văn bản, tài liệu hoặc mẫu mã chứng minh sự khác biệt giữa hàng hóa đề nghị miễn trừ và hàng hóa tương tự, hàng hóa cạnh tranh trực tiếp được sản xuất trong nước trong trường hợp đối tượng đề nghị miễn trừ theo điểm c và điểm d khoản 2 Điều 12 Thông tư số 26/2025/TT-BCT;

- Thông tin, hình ảnh về cơ sở, dây chuyền sản xuất và quy trình sản xuất sản phẩm sử dụng nguyên liệu đầu vào là hàng hóa đề nghị miễn trừ của bên nộp hồ sơ đề nghị miễn trừ;

- Định mức tiêu hao theo quy định của pháp luật hoặc định mức sử dụng dự kiến và tỷ lệ phế liệu, phế phẩm, nguyên liệu, vật tư dư thừa của nguyên vật liệu là hàng hóa nhập khẩu đề nghị miễn trừ;

- Bảng kê tờ khai nhập khẩu về khối lượng, số lượng và trị giá nhập khẩu hàng hóa đề nghị miễn trừ trong 02 năm gần nhất và năm hiện tại (nếu có);

- Báo cáo nhập xuất tồn của hàng hóa đề nghị miễn trừ và sản phẩm được sản xuất từ hàng hóa đề nghị miễn trừ trong 02 năm gần nhất và năm hiện tại (nếu có);

- Tài liệu thể hiện nhu cầu về khối lượng, số lượng hàng hóa đề nghị miễn trừ như: kế hoạch sản xuất, bán hàng; hợp đồng ký kết với khách hàng; kết quả phê duyệt của các dự án đang triển khai hoặc các tài liệu khác có liên quan;

- Các tài liệu khác chứng minh sự cần thiết của việc đề nghị miễn trừ của bên nộp hồ sơ đề nghị miễn trừ cung cấp.

* *Số lượng hồ sơ*: không quy định.

d) Thời hạn giải quyết:

- 35 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Cá nhân;

- Tổ chức.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Công Thương.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Cục Phòng vệ thương mại.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Phòng vệ thương mại.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Bộ Tài chính.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BCT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại trong một số trường hợp cụ thể trên nguyên tắc không làm giảm hiệu quả tổng thể của biện pháp phòng vệ thương mại.

Hàng hóa nhập khẩu bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại được xem xét miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Hàng hóa nằm trong danh sách được xem xét miễn trừ được quy định tại quyết định áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại hoặc các quyết định về kết quả rà soát của từng vụ việc;
- Hàng hóa mà ngành sản xuất trong nước trong vụ việc tương ứng không sản xuất được;
- Hàng hóa có đặc điểm khác biệt với hàng hóa sản xuất trong nước mà hàng hóa sản xuất trong nước đó không thể thay thế được;
- Hàng hóa là sản phẩm đặc biệt của hàng hóa tương tự hoặc hàng hóa cạnh tranh trực tiếp được sản xuất trong nước;
- Hàng hóa tương tự, hàng hóa cạnh tranh trực tiếp được sản xuất trong nước không được bán trên thị trường trong nước trong cùng điều kiện thông thường hoặc trong trường hợp bất khả kháng dẫn tới thiếu hụt nguồn cung của ngành sản xuất trong nước;
- Hàng hóa nhập khẩu nằm trong tổng lượng đề nghị miễn trừ quy định từ điểm a đến điểm đ khoản 2 Điều 12 Thông tư số 26/2025/TT-BCT phục vụ mục đích nghiên cứu, phát triển và các mục đích phi thương mại khác.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 26/2025/TT-BCT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại.



PHỤ LỤC II: ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN TRỪ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BCT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
 V/v đề nghị miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN TRỪ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

Tên vụ việc:

Mã vụ việc:

Đề nghị¹: *(lần đầu hoặc bổ sung)*

I. THÔNG TIN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ MIỄN TRỪ

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN:.....

Thông tin Giấy chứng nhận ĐKDN/ĐKKD/ĐT:

Tên viết tắt (nếu có):

Địa chỉ (theo giấy chứng nhận ĐKDN/ĐKKD/ĐT/ĐKHĐ chi nhánh):

.....

Người đại diện theo pháp luật (Họ và tên, Chức vụ):.....

Người liên lạc:.....

Chức danh:.....

Số điện thoại:

E-mail:.....

2. ĐẠI DIỆN PHÁP LÝ (NẾU CÓ):

Họ và tên:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....

E-mail:.....

3. LĨNH VỰC SẢN XUẤT, KINH DOANH

Nêu rõ loại hình hoạt động của doanh nghiệp (sản xuất, kinh doanh thương mại, nhập khẩu, sử dụng hàng hóa đề nghị miễn trừ để sản xuất, loại khác...)

.....

II. THÔNG TIN VỀ HÀNG HÓA NHẬP KHẨU ĐỀ NGHỊ MIỄN TRỪ

1. TÊN VÀ MÔ TẢ ĐẦY ĐỦ VỀ HÀNG HÓA ĐỀ NGHỊ MIỄN TRỪ

(kèm theo các tài liệu cần thiết)

2. CUNG CẤP THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ SẢN PHẨM ĐỀ NGHỊ MIỄN TRỪ THEO BẢNG SAU¹

(cung cấp các tài liệu sẵn có kèm theo mô tả làm rõ)

2.1. Hàng hóa đề nghị miễn trừ thứ nhất:

Phân loại Mã HS:

Đặc điểm	Hàng hóa đề nghị miễn trừ	Hàng hóa tương tự, hàng hóa cạnh tranh trực tiếp sản xuất trong nước (hoặc không sản xuất được vui lòng nêu rõ) ²	Lượng hóa đặc điểm khác biệt giữa hàng hóa đề nghị miễn trừ và hàng hóa tương tự, cạnh tranh trực tiếp ³
Đặc tính vật lý			
Thành phần cấu tạo (hóa học)			
Kích thước			
Tiêu chuẩn kỹ thuật			
Chất lượng			
Mục đích sử dụng			
Phân khúc Thị trường			
Người tiêu dùng cuối cùng			
Khác			

2.2. Hàng hóa đề nghị miễn trừ thứ 2, 3,...

(Cung cấp các thông tin tương tự nêu tại Mục 2.1)

III. LÝ DO ĐỀ NGHỊ MIỄN TRỪ

Nêu rõ căn cứ và lý do mà tổ chức, cá nhân đề nghị Cơ quan điều tra miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hóa nhập khẩu trong vụ việc.

IV. THÔNG TIN VỀ LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ NHẬP KHẨU

Cung cấp thông tin về lượng và giá trị nhập khẩu hàng hóa đề nghị miễn trừ trong 02 năm gần nhất và đến thời điểm hiện tại (nếu có) theo mẫu dưới đây:

¹ Đối với đề nghị miễn trừ bổ sung, thông tin tại Mục II.2 không cần cung cấp.

² Đề nghị miễn trừ theo điểm c, d và đ khoản 2 Điều 12. Bỏ qua các cột này nếu không thuộc các trường hợp liên quan.

³ Đề nghị miễn trừ theo điểm c và đ khoản 2 Điều 12. Bỏ qua các cột này nếu không thuộc các trường hợp liên quan.

Nước xuất xứ bị Điều tra, áp dụng	Năm hiện tại -3	Năm hiện tại -2	Năm hiện tại -1	Năm hiện tại
Lượng (đơn vị tính)				
Trị giá (đơn vị tính)				
Đơn giá (đơn vị tính)				

Cá nhân, tổ chức nêu rõ yêu cầu bảo mật các thông tin, số liệu trong Mục này (nếu có).

V. KHỐI LƯỢNG, SỐ LƯỢNG ĐỀ NGHỊ MIỄN TRỪ

Nêu cụ thể khối lượng, số lượng đề nghị miễn trừ và căn cứ xác định số liệu này.

VI. CÁC TÀI LIỆU, THÔNG TIN LÀM RÕ MÔ TẢ HÀNG HÓA GỬI KÈM THEO ĐƠN

Liệt kê cụ thể các tài liệu được gửi kèm để làm rõ về hàng hóa đề nghị miễn trừ.

VII. CAM KẾT

Người ký tên (đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp) xin cam kết những thông tin được nêu trên đây là đầy đủ, chính xác và hiểu rằng những thông tin này sẽ được Cơ quan điều tra kiểm tra và xác minh lại.

Tôi sẵn sàng chấp nhận việc Cơ quan điều tra đến thẩm tra tại cơ sở của doanh nghiệp để xác minh về những thông tin được cung cấp trong Đơn đề nghị này. Trong trường hợp Cơ quan điều tra - Bộ Công Thương phát hiện vi phạm, doanh nghiệp xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và bị truy thu số tiền thuế nhập khẩu được miễn trừ theo quy định của pháp luật./.

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên, chức danh)

2. Bổ sung lượng hàng hóa đã được miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị bổ sung lượng hàng hóa đã được miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại (sau đây gọi tắt là hồ sơ đề nghị miễn trừ bổ sung).
- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị miễn trừ bổ sung, Cơ quan điều tra thông báo cho cá nhân, tổ chức về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ.
- Trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, Cơ quan điều tra thông báo cho tổ chức, cá nhân để bổ sung.
- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày Cơ quan điều tra có thông báo yêu cầu bổ sung, cá nhân, tổ chức đề nghị miễn trừ có trách nhiệm cung cấp đầy đủ và chính xác những nội dung được yêu cầu bổ sung.
- Sau thời hạn nêu trên nếu không nhận được thông tin bổ sung thì Cơ quan điều tra thông báo tới cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ đề nghị miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại, hồ sơ đề nghị miễn trừ bổ sung về việc không tiếp tục xử lý hồ sơ.
- Trong thời hạn 35 ngày kể từ ngày Cơ quan điều tra thông báo hồ sơ là đầy đủ và hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định bổ sung lượng hàng hóa đã được miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại (sau đây gọi là quyết định miễn trừ bổ sung), trường hợp không bổ sung lượng hàng hóa đã được miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại thì nêu rõ lý do.
- Cơ quan điều tra gửi quyết định miễn trừ bổ sung cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị và công bố công khai quyết định miễn trừ bổ sung trên cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương và trang thông tin điện tử của Cơ quan điều tra.

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp nộp tại Cục Phòng vệ thương mại, Bộ Công Thương: Số 54 Hai Bà Trưng, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội;
- Thông qua hệ thống bưu điện;
- Thực hiện trực tuyến tại Cổng dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

**** Thành phần:***

- Đơn đề nghị miễn trừ (bổ sung) áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BCT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại;

- Bản tự theo dõi trừ lùi lượng nhập khẩu hàng hóa được miễn trừ và Bảng kê về khối lượng, số lượng và trị giá nhập khẩu của hàng hóa được miễn trừ bổ sung theo từng tờ khai nhập khẩu;
- Báo cáo nhập xuất tồn của hàng hóa đề nghị miễn trừ và sản phẩm được sản xuất từ hàng hóa đề nghị miễn trừ trong năm gần nhất và năm hiện tại;
- Kế hoạch sản xuất trong thời gian tiếp theo;
- Các tài liệu khác chứng minh sự cần thiết của việc đề nghị miễn trừ bổ sung của bên nộp hồ sơ đề nghị miễn trừ bổ sung cung cấp.

* *Số lượng hồ sơ*: không quy định

d) Thời hạn giải quyết:

- 35 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Cá nhân;
- Tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Công Thương.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Cục Phòng vệ thương mại.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Phòng vệ thương mại.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Bộ Tài chính.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ sung lượng hàng hóa đã được miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị miễn trừ (bổ sung) áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BCT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại trong một số trường hợp cụ thể trên nguyên tắc không làm giảm hiệu quả tổng thể của biện pháp phòng vệ thương mại.

Hàng hóa nhập khẩu bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại được xem xét miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Hàng hóa nằm trong danh sách được xem xét miễn trừ được quy định tại quyết định áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại hoặc các quyết định về kết quả rà soát của từng vụ việc;
- Hàng hóa mà ngành sản xuất trong nước trong vụ việc tương ứng không sản xuất được;
- Hàng hóa có đặc điểm khác biệt với hàng hóa sản xuất trong nước mà hàng hóa sản xuất trong nước đó không thể thay thế được;
- Hàng hóa là sản phẩm đặc biệt của hàng hóa tương tự hoặc hàng hóa cạnh tranh trực tiếp được sản xuất trong nước;
- Hàng hóa tương tự, hàng hóa cạnh tranh trực tiếp được sản xuất trong nước không được bán trên thị trường trong nước trong cùng điều kiện thông thường hoặc trong trường hợp bất khả kháng dẫn tới thiếu hụt nguồn cung của ngành sản xuất trong nước;
- Hàng hóa nhập khẩu nằm trong tổng lượng đề nghị miễn trừ quy định từ điểm a đến điểm đ khoản 2 Điều 12 Thông tư số 26/2025/TT-BCT phục vụ mục đích nghiên cứu, phát triển và các mục đích phi thương mại khác.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 26/2025/TT-BCT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại.

PHỤ LỤC II: ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN TRỪ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BCT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
 V/v đề nghị miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN TRỪ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

Tên vụ việc:

Mã vụ việc:

Đề nghị¹: (lần đầu hoặc bổ sung)

I. THÔNG TIN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ MIỄN TRỪ

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN:.....

Thông tin Giấy chứng nhận ĐKDN/ĐKKD/ĐT:

Tên viết tắt (nếu có):

Địa chỉ (theo giấy chứng nhận ĐKDN/ĐKKD/ĐT/ĐKHĐ chi nhánh):

.....

Người đại diện theo pháp luật (Họ và tên, Chức vụ):.....

Người liên lạc:.....

Chức danh:.....

Số điện thoại:

E-mail:.....

2. ĐẠI DIỆN PHÁP LÝ (NẾU CÓ):

Họ và tên:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....

E-mail:.....

3. LĨNH VỰC SẢN XUẤT, KINH DOANH

Nêu rõ loại hình hoạt động của doanh nghiệp (sản xuất, kinh doanh thương mại, nhập khẩu, sử dụng hàng hóa đề nghị miễn trừ để sản xuất, loại khác...)

II. THÔNG TIN VỀ HÀNG HÓA NHẬP KHẨU ĐỀ NGHỊ MIỄN TRỪ

1. TÊN VÀ MÔ TẢ ĐẦY ĐỦ VỀ HÀNG HÓA ĐỀ NGHỊ MIỄN TRỪ

(kèm theo các tài liệu cần thiết)

2. CUNG CẤP THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ SẢN PHẨM ĐỀ NGHỊ MIỄN TRỪ THEO BẢNG SAU⁴

(cung cấp các tài liệu sẵn có kèm theo mô tả làm rõ)

2.1. Hàng hóa đề nghị miễn trừ thứ nhất:

Phân loại Mã HS:

Đặc điểm	Hàng hóa đề nghị miễn trừ	Hàng hóa tương tự, hàng hóa cạnh tranh trực tiếp sản xuất trong nước (hoặc không sản xuất được vui lòng nêu rõ) ⁵	Lượng hóa đặc điểm khác biệt giữa hàng hóa đề nghị miễn trừ và hàng hóa tương tự, cạnh tranh trực tiếp ⁶
Đặc tính vật lý			
Thành phần cấu tạo (hóa học)			
Kích thước			
Tiêu chuẩn kỹ thuật			
Chất lượng			
Mục đích sử dụng			
Phân khúc Thị trường			
Người tiêu dùng cuối cùng			
Khác			

2.2. Hàng hóa đề nghị miễn trừ thứ 2, 3,...

(Cung cấp các thông tin tương tự nêu tại Mục 2.1)

III. LÝ DO ĐỀ NGHỊ MIỄN TRỪ

Nêu rõ căn cứ và lý do mà tổ chức, cá nhân đề nghị Cơ quan điều tra miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hóa nhập khẩu trong vụ việc.

IV. THÔNG TIN VỀ LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ NHẬP KHẨU

Cung cấp thông tin về lượng và giá trị nhập khẩu hàng hóa đề nghị miễn trừ trong 02 năm gần nhất và đến thời điểm hiện tại (nếu có) theo mẫu dưới đây:

⁴ Đối với đề nghị miễn trừ bổ sung, thông tin tại Mục II.2 không cần cung cấp.

⁵ Đề nghị miễn trừ theo điểm c, d và đ khoản 2 Điều 12. Bỏ qua các cột này nếu không thuộc các trường hợp liên quan.

⁶ Đề nghị miễn trừ theo điểm c và d khoản 2 Điều 12. Bỏ qua các cột này nếu không thuộc các trường hợp liên quan.

Nước xuất xứ bị Điều tra, áp dụng	Năm hiện tại -3	Năm hiện tại -2	Năm hiện tại -1	Năm hiện tại
Lượng (đơn vị tính)				
Trị giá (đơn vị tính)				
Đơn giá (đơn vị tính)				

Cá nhân, tổ chức nêu rõ yêu cầu bảo mật các thông tin, số liệu trong Mục này (nếu có).

V. KHỐI LƯỢNG, SỐ LƯỢNG ĐỀ NGHỊ MIỄN TRỪ

Nêu cụ thể khối lượng, số lượng đề nghị miễn trừ và căn cứ xác định số liệu này.

VI. CÁC TÀI LIỆU, THÔNG TIN LÀM RÕ MÔ TẢ HÀNG HÓA GỬI KÈM THEO ĐƠN

Liệt kê cụ thể các tài liệu được gửi kèm để làm rõ về hàng hóa đề nghị miễn trừ.

VII. CAM KẾT

Người ký tên (đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp) xin cam kết những thông tin được nêu trên đây là đầy đủ, chính xác và hiểu rằng những thông tin này sẽ được Cơ quan điều tra kiểm tra và xác minh lại.

Tôi sẵn sàng chấp nhận việc Cơ quan điều tra đến thẩm tra tại cơ sở của doanh nghiệp để xác minh về những thông tin được cung cấp trong Đơn đề nghị này. Trong trường hợp Cơ quan điều tra - Bộ Công Thương phát hiện vi phạm, doanh nghiệp xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và bị truy thu số tiền thuế nhập khẩu được miễn trừ theo quy định của pháp luật./.

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên, chức danh)

